

Quản lý A đang xem danh sách món ăn theo loại thì quản lý B thêm món ăn mới của loại đó vào.

Tên Use Case:	Xem danh sách món ăn theo loại (quản lý).	
Kịch bản:	Quản lý muốn xem danh sách món ăn theo loại.	
Sự kiện kích hoạt:	Quản lý chọn loại món ăn trong xem danh sách món ăn.	
Tóm tắt mô tả:	Quản lý vào quản lý món ăn và xem danh sách món ăn theo loại.	
Actors:	Quản lý.	
Stakeholders:	Quản lý.	
Điều kiện trước:	Quản lý đăng nhập thành công.	
Điều kiện sau:	Hiện thị danh sách món ăn theo loại.	
Luồng chính:	Actor	System
	1. Quản lý đăng nhập. 2. Quản lý chọn tab quản lý món ăn. 3. Quản lý chọn lại loại món ăn. 4. Chọn lọc.	1. Hệ thống kiểm tra thông tin đăng nhập. 2. Hiện thị 2 màn hình, 1 màn hình hiển thị danh sách và 1 màn hình hiển thị thông tin và có các chức năng xóa món ăn, thêm món ăn, lọc món theo loại. 3. Chờ. 4. Hiện thị danh sách món theo loại.
Ngoại lệ:	1.1. Nếu thông tin đăng nhập không đúng thì hệ thống yêu cầu đăng nhập lại.	

Tên Use Case:	Thêm món ăn.	
Kịch bản:	Quản lý muốn thêm món ăn vào danh sách món ăn của nhà hàng.	
Sự kiện kích hoạt:	Quản lý chọn thêm món ăn.	
Tóm tắt mô tả:	Quản lý muốn thêm một món ăn mới vào danh sách món ăn của nhà hàng.	
Actors:	Quản lý.	
Stakeholders:	Quản lý.	
Điều kiện trước:	Quản lý đăng nhập thành công vào hệ thống.	
Điều kiện sau:	Món ăn được thêm vào thành công.	
Luồng chính:	Actor	System
	1. Quản lý đăng nhập. 2. Quản lý chọn tab quản lý món ăn. 3. Quản lý nhập thông tin món 4. Chọn thêm món ăn.	1. Hệ thống kiểm tra thông tin và phân quyền. 2. Hiện thị 2 màn hình, 1 màn hình hiển thị danh sách và 1 màn hình

		<p>hiển thị thông tin và có các chức năng xóa món ăn, thêm món ăn, lọc món theo loại.</p> <p>3. Chờ.</p> <p>4. Hệ thống kiểm tra thông tin rồi thêm vào database. Thông báo thêm thành công.</p>
Ngoại lệ:	<p>1.1. Nếu đăng nhập sai, hệ thống yêu cầu đăng nhập lại.</p> <p>1.2. Nếu tài khoản bị khóa, hệ thống thông báo từ chối truy cập.</p>	